

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày: 31-7- 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Inh

Ông Thạch Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Võ Thanh Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2025/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long).

Bị đơn: 1/ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

2/ Ông Trần Th, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà Phạm Thị T có tham gia nhiều dây hụi do bà làm đầu thảo và nợ lại tiền hụi chết, sau đó bà và bà T tính toán lại, bà T còn nợ bà tổng số tiền 282.700.000 đồng. Ngày 30/7/2022 bà Phạm Thị T làm biên nhận thừa nhận

thiếu bà số tiền trên và cam kết phụ tiền lãi 0,83%/tháng, nếu trên 06 tháng không đóng lãi thì phụ lãi quá hạn 1,66%/tháng. Tuy nhiên sau khi viết biên nhận đến nay bà T không đóng lãi, không trả tiền vốn cho bà.

Bà yêu cầu bà Phạm Thị T, ông Trần Th có trách nhiệm trả cho bà số tiền 282.700.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 30/7/2022 đến ngày 30/9/2024 theo lãi suất 0,83%/tháng với số tiền 61.000.000 đồng.

Theo bản tự khai, bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà thừa nhận bà còn nợ bà Nguyễn Thị Q số tiền hụi 288.000.000 đồng theo biên nhận bà đã viết ngày 30/7/2022 và bà đồng ý trả cho bà Q số tiền trên.

Bị đơn ông Trần Th vắng mặt không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay là lần xét xử thứ hai, bà Nguyễn Thị Q vắng mặt có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử, bà Phạm Thị T và ông Trần Th vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Vĩnh Long:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị T có tham gia chơi các dây hụi do bà Nguyễn Thị Q làm đầu thảo là có thật, thể hiện qua biên nhận nợ, bản tự khai của bà T. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bà Q khởi kiện bà T là có căn cứ. Đối với yêu cầu ông Trần Th là chồng bà T liên đới trả nợ là không có căn cứ chấp nhận vì bà Q không chứng minh được ông T có tham gia chơi hụi hoặc có sử dụng số tiền hụi. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự, Điều 21, 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q, buộc bà T có nghĩa vụ trả tiền vốn 282.700.000 đồng, tiền lãi 61.000.000 đồng cho bà Q và buộc bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Nguyễn Thị Q khởi kiện bà Phạm Thị T, ông Trần Th yêu cầu trả tiền hụi, đây là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà

Vinh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Phạm Thị T và ông Trần Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo biên nhận nợ đề ngày 30/7/2022 ghi “*Tôi T vợ Th áp B có nợ cô Q 3 dây hụi (13/8/19) tổng số tiền là 282.700.000 đồng...*”. Tại bản tự khai bà T trình bày “*chúng tôi thừa nhận còn nợ bà Q tiền hụi là 288.000.000 đồng theo biên nhận nợ mà tôi đã viết ngày 30/7/2022 mà bà Q kiện, nay chúng tôi đồng ý trả cho bà Q số tiền trên*”. Như vậy có căn cứ xác định bà Phạm Thị T có tham gia các dây hụi do bà Q làm đầu thảo và có nợ tiền hụi là có thật. Mặc dù bản tự khai bà T thừa nhận số tiền nợ 288.000.000 đồng, nhưng biên nhận nợ ngày 30/7/2022 chỉ ghi số tiền 282.700.000 đồng và đơn khởi kiện bà Q cũng chỉ yêu cầu trả số tiền 282.700.000 đồng là nằm trong phạm vi yêu cầu khởi kiện.

[4] Tại Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định: “*Trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ họ như sau: 1. Hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên. 2. Trả lãi đối với số tiền chậm góp họ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này. 3. Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây họ có thỏa thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự. 4. Bồi thường thiệt hại (nếu có)*”. Tại khoản 2 Điều 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định: “*Trường hợp đến kỳ mở họ mà thành viên đã lĩnh họ không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì phải trả lãi như sau: a) Trường hợp họ không có lãi, lãi suất được xác định theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp họ trên thời gian chậm góp, nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 50%/năm mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp trên thời gian chậm góp*”.

[5] Do bà Phạm Thị T vi phạm nghĩa vụ của thành viên góp hụi với chủ hụi nên bà Nguyễn Thị Q yêu cầu bà Phạm Thị T trả số tiền 282.700.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 30/7/2022 đến ngày 30/9/2024 là 26 tháng với số tiền 61.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu buộc ông Trần Th phải cùng bà T trả nợ cho bà Q: Theo biên nhận nợ và bản tự khai thì chỉ có bà T thừa nhận có tham gia chơi hụi và có nợ tiền hụi với bà Q, ông T không có ý kiến thừa nhận nợ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó có căn cứ và hợp pháp. Ngày 07/01/2025 Tòa án đã có Thông

báo số 02/TB-TA yêu cầu bà Q cung cấp giấy tờ chứng minh ông Trần Th có cùng với bà T tham gia chơi hụi hoặc có sử dụng số tiền hốt hụi mà bà T nhận được, nhưng đến tại phiên tòa bà Q vẫn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông T có tham gia chơi hụi hoặc có sử dụng số tiền hụi bà T hốt nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Q.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Phạm Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; 39, 147, 227, 238, 264, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; các Điều 22 và Điều 24 Nghị Định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về Hộ, hụi, biếu, phưởng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q.

2/ Buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền nợ hụi 282.700.000đ (*bằng chữ: hai trăm tám mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng*) và tiền lãi là 61.000.000đ (*bằng chữ: sáu mươi mốt triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị T phải chịu 17.185.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí; số tiền tạm ứng 8.592.500 đồng nộp theo biên lai thu tiền số 0009752 ngày 12/12/2024 được hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Q.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 10 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 10 – Vĩnh Long ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ái Loan

